

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 03-9-2020.

“V/v tranh chấp về hôn nhân
và gia đình - ly hôn, nuôi con và cấp
dưỡng nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hải.
2. Bà Nguyễn Kim Phụng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vũ Hải - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh.

Ngày 03/9/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 272/2020/TLST-HNGĐ ngày 30/7/2020 về việc “*tranh chấp về hôn nhân và gia đình – ly hôn, nuôi con, cấp dưỡng nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 253/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/8/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Số nhà A, tổ B, ấp C, xã D, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Trương Minh S, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Số nhà G, tổ H, ấp J, xã Y, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị N và anh S có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Hồng N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng N và anh Trương Minh S kết hôn năm 2017, hôn nhân có tìm hiểu trước 07 năm, có đăng ký kết hôn tại

Ủy ban nhân dân xã Tân Thuận Đông, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 14/7/2017.

Thời gian đầu, vợ chồng sống chung với nhau có hạnh phúc. Sau đó, vợ chồng chung sống không còn hòa thuận, phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Anh S còn hành hung, kiếm chuyện cầm dao đe dọa chị N nhiều lần. Trong thời gian mâu thuẫn, chị N cũng đã nhiều lần nói chuyện với anh S, tìm cách để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Vợ, chồng đã không sống chung được 3 năm. Trong thời gian xa nhau, vợ chồng không hàn lại gắn lại tình cảm. Chị N nhận thấy tình cảm vợ chồng bị rạn nứt, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, đời sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị N yêu cầu được ly hôn với anh Trương Minh S.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trương Minh Hào, sinh ngày 19/12/2016, hiện con chung đang sống với chị N. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi con, yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con với số tiền 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Trường hợp, anh S được nuôi con thì chị N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 1.000.000 đồng, cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Trương Minh S trình bày:

Quan hệ hôn nhân: Anh S thống nhất lời trình bày của chị N về thời gian kết hôn, thời gian chung sống. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân là do chị N không quan tâm, chăm sóc chồng con, thường xuyên đi uống rượu bia với bạn bè, anh S tự chăm sóc con, anh S không có hành hung và đe dọa chị N mà ngược lại chị N hành hung anh S 2-3 lần, có hàng xóm đến can ngăn, anh S có khuyên ngăn chị N nhiều lần nhưng chị N không sửa chữa. Năm 2017, anh S bị tai nạn giao thông, thương tích nặng – chết đi sống lại. Sau khi anh S xuất viện, chị N về nhà cha mẹ ruột sống và vợ chồng không sống chung từ đó đến nay. Trong thời gian xa nhau, vợ chồng không hàn gắn lại tình cảm. Nay anh Trương Minh S đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N.

Con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trương Minh Hào, sinh ngày 19/12/2016, hiện con chung đang sống với chị N. Sau khi ly hôn, anh S không đồng ý cho chị N tiếp tục nuôi con chung, anh S yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung.

Trường hợp, chị N được nuôi con thì anh S tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 1.000.000 đồng, cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Tài sản chung: Không có.

Nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của chị N và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn, nuôi con, cấp dưỡng nuôi con. Bị đơn anh Trương Minh S có địa chỉ tại xã Tân Thuận Đông, thành phố Cao Lãnh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Xét quan hệ hôn nhân của chị N và anh S được xác lập vào năm 2017, do hai anh chị tự nguyện và thừa nhận, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thuận Đông, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 14/7/2017 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Trong quá trình sống chung, vợ chồng chị N và anh S phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hàn gắn tình cảm được. Tại phiên tòa, chị N và anh S thống nhất thuận tình ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy sự tự nguyện thỏa thuận của anh, chị không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận, chị N và anh S thuận tình ly hôn.

[3] Xét con chung: Chị N và anh S có 01 con chung tên Trương Minh Hào, sinh ngày 19/12/2016, hiện con chung đang sống với chị N. Tại phiên tòa, chị N và anh S đều có yêu cầu được nuôi con chung.

Tại phiên tòa, chị N yêu cầu được nuôi con chung, do chị trực tiếp nuôi, chị đi làm gần nhà cũng có điều kiện tốt để chăm sóc con; anh S yêu cầu được nuôi con chung nhưng anh không trực tiếp nuôi mà giao con cho cha mẹ anh nuôi vì anh đi làm tại huyện Thanh Bình. Hội đồng xét xử xét thấy bé Trương Minh Hào từ khi sinh ra đến nay đã sống chung với chị N, có cuộc sống ổn định và điều kiện chăm sóc con của chị N cũng tốt hơn anh S. Hơn nữa, bé Minh Hào còn nhỏ, cần được sự chăm sóc của người mẹ nhiều hơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N, chị N được tiếp tục nuôi con chung tên Trương Minh Hào, sinh ngày 19/12/2016 là phù hợp với Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Xét cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, chị N yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với số tiền 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, anh S đồng ý cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 1.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 9/2020 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Hội đồng xét xử xét thấy sự tự nguyện của anh S là có lợi và tạo điều kiện tốt cho bé Minh Hào trong cuộc sống cũng như trong học tập, phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 82 và khoản 1 Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân gia đình.

[5] Xét tài sản chung và nợ chung: Tại phiên tòa hôm nay, chị N và anh S đều thống nhất vợ chồng không có tài sản chung; không có nợ ai và không cho ai nợ nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

[6] Án phí: Chị N tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự; các Điều 51, 55, 81, 82, 83, 116 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Nguyễn Thị Hồng N và anh Trương Minh S.

Con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Hồng N, chị Nguyễn Thị Hồng N được tiếp tục nuôi con chung tên Trương Minh Hào, sinh ngày 19/12/2016, hiện con chung đang sống với chị N.

Cấp dưỡng nuôi con: Chấp nhận sự tự nguyện của anh Trương Minh S, anh S cấp dưỡng nuôi con chung tên Trương Minh Hào, sinh ngày

19/12/2016, cấp dưỡng hàng tháng là 1.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 9/2020 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Hồng N và anh Trương Minh S thống nhất vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ ai và không cho ai nợ.

Án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng N tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007041 ngày 24/7/2020 của Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, như vậy chị N đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Trương Minh S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*).

Chị Nguyễn Thị Hồng N và anh Trương Minh S có quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 - Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án có hiệu lực thi hành ngày 15/10/2020.

Nơi nhận:

- Chi cục THADS TPCL;
- TAND tỉnh DT;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cẩm Trinh